

# HOMEWORK

## REVISION 6 – ENGLISH 9

### Objectives:

- Pronunciation: (10)
- Vocabulary: Quizlet
- Grammar: Modal verbs and Verbs + prepositions

### I. Pronunciation:

Choose the word that has underlined part pronounced differently from the others.

- |                        |                        |                      |                      |
|------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| 1. A. fut <u>ur</u> e  | B. mat <u>ur</u> e     | C. past <u>ur</u> e  | D. nat <u>ur</u> e   |
| 2. A. <u>ch</u> ore    | B. t <u>ech</u> nology | C. m <u>uch</u>      | D. ex <u>ch</u> ange |
| 3. A. <u>th</u> reaten | B. ear <u>th</u>       | C. healt <u>h</u> y  | D. breat <u>h</u> e  |
| 4. A. <u>w</u> ipe     | B. all <u>ow</u>       | C. pow <u>er</u> ful | D. ans <u>w</u> er   |
| 5. A. serv <u>i</u> ce | B. pract <u>i</u> ce   | C. off <u>i</u> ce   | D. dev <u>i</u> ce   |

Choose the word that has the stress position differs from the others.

- |                   |                |               |                 |
|-------------------|----------------|---------------|-----------------|
| 1. A. expedition  | B. exploration | C. Australian | D. Geographical |
| 2. A. appropriate | B. interesting | C. different  | D. cultural     |
| 3. A. culture     | B. engage      | C. majority   | D. determine    |
| 4. A. romantic    | B. counterpart | C. discussion | D. appearance   |
| 5. A. bridegroom  | B. bamboo      | C. wedding    | D. survey       |

### II. Vocabulary: Quizlet

### III. Grammar:

#### 1. Modal verbs:

- 1. Your health is getting worse. You \_\_\_\_\_ give up smoking.
  - ☐ A. can
  - ☐ B. should
  - ☐ C. may
  - ☐ D. could
- 2. "\_\_\_\_\_ you give of a lift to the office?" "- Yes, of course".
  - ☐ A. Could
  - ☐ B. Must
  - ☐ C. Should
  - ☐ D. Have to

- 3. "- Where has Mary gone?" "- I don't know, but she \_\_\_\_\_ be returning home now".
  - ☐ A. must
  - ☐ B. can
  - ☐ C. could
  - ☐ D. might
- 4. We \_\_\_\_\_ hurry, otherwise we will be late for the festival.
  - ☐ A. must
  - ☐ B. can
  - ☐ C. may
  - ☐ D. Could
- 5. Everybody believes that the girl \_\_\_\_\_ overcome all obstacles in her career.
  - ☐ A. must
  - ☐ B. should
  - ☐ C. can
  - ☐ D. have to
- 6. "\_\_\_\_\_ I have a cup of tea?" "- Certainly!"
  - ☐ A. Should
  - ☐ B. Must
  - ☐ C. May
  - ☐ D. Have to
- 7. Marry feels bored because she \_\_\_\_\_ do the same things every day.
  - ☐ A. should
  - ☐ B. may
  - ☐ C. could
  - ☐ D. has to
- 8. She \_\_\_\_\_ more attention to what he says. He is a liar.
  - ☐ A. need to pay
  - ☐ B. needs pay
  - ☐ C. needs to pay
  - ☐ D. needs pay
- 9. There is still a lot of time left, so we \_\_\_\_\_ just as well play some computer games now.
  - ☐ A. must
  - ☐ B. can

- ☐ C. should
  - ☐ D. might
- 10. We \_\_\_\_\_ make mistake anymore, or else we will die.
  - ☐ A. can't
  - ☐ B. might not
  - ☐ C. mustn't
  - ☐ D. couldn't
- 11. He has run out of all his money. He \_\_\_\_\_ return home because he doesn't have enough money to buy a train ticket.
  - ☐ A. mustn't
  - ☐ B. can't
  - ☐ C. shouldn't
  - ☐ D. needn't
- 12. You have a lot of time, so you \_\_\_\_\_ hurry.
  - ☐ A. mustn't
  - ☐ B. can't
  - ☐ C. might not
  - ☐ D. needn't
- 13. Your disease is worse and worse. I think you \_\_\_\_\_ drink wine and beer anymore.
  - ☐ A. shouldn't
  - ☐ B. can't
  - ☐ C. may not
  - ☐ d. have not to
- 14. Mary and I are having an argument. She \_\_\_\_\_ come to my birthday party tonight.
  - ☐ A. can't
  - ☐ B. may not
  - ☐ C. mustn't
  - ☐ D. haven't to
- 15. We \_\_\_\_\_ to school at weekends.
  - ☐ A. haven't to go
  - ☐ B. don't have to
  - ☐ C. not have to go
  - ☐ D. have not to

## 2. Verbs + prepositions:

*Drag and drop correct verbs in the sentences.*

|            |             |          |       |         |
|------------|-------------|----------|-------|---------|
| thinking   | agree       | insisted | think | come    |
| apologizes | concentrate | admitted | stare | believe |

1. She \_\_\_\_\_ **for** her misbehavior. (Cô ấy xin lỗi vì cách cư xử không đúng mực)
2. Kate \_\_\_\_\_ **to** cheating in the exam. (Kate thừa nhận đã gian lận trong bài kiểm tra)
3. I'm \_\_\_\_\_ **about** moving out. (Tôi đang xem xét tới việc chuyển ra ngoài sống)
4. Do you \_\_\_\_\_ **with** me? (Anh có đồng ý với tôi không?)
5. I \_\_\_\_\_ **of** you every day. (Anh nghĩ về em mỗi ngày)
6. I \_\_\_\_\_ **in** you. (Tôi tin ở bạn.)
7. It's impolite to \_\_\_\_\_ **at** the girl like that.  
(Thật là bất lịch sự khi nhìn chăm chăm vào cô gái như vậy)
8. They \_\_\_\_\_ - \_\_\_\_\_ **on** playing football in the rain.  
(Họ cứ nằng nặc đòi chơi đá banh trong trời mưa)
9. Where do you \_\_\_\_\_ **from**? (Bạn tới từ đâu?)
10. I cannot \_\_\_\_\_ on my work if you keep playing the music loudly like that.  
(Tôi không thể tập trung vào công việc nếu bạn cứ mở nhạc to như vậy.)